|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT KON TUM  **TRƯỜNG THPT DUY TÂN**  ĐỀ CHÍNH THỨC  *(Đề kiểm tra có 03 trang)* | **KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I, NĂM 2024-2025**  **Môn: ĐỊA LÍ, Lớp: 12**  *Thời gian làm bài:45 phút, không kể thời gian phát đề* |

*Họ, tên học sinh:…………………………………*

**Mã đề: 124**

*Số báo danh:………………..…….………………*

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực công nghiệp và xây dựng ở nước ta không diễn ra theo xu hướng nào sau đây?

**A.** Giảm tỉ trọng các ngành công nghiệp chế biến. **B.** Ứng dụng khoa học - công nghệ và sáng tạo.

**C.** Tăng tỉ trọng các sản phẩm có chất lượng cao. **D.** Đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với thị trường.

**Câu 2.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là

**A.** có nhiều hồ thủy điện, nhiều thác ghềnh. **B.** nhiều sông suối, chế độ nước theo mùa.

**C.** đường bờ biển dài, nhiều ngư trường. **D.** nhiều sông, ao hồ, bãi triều, vũng, vịnh.

**Câu 3.** Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

**A.** khai thác hiệu quả tài nguyên. **B.** sử dụng hợp lí nguồn lao động.

**C.** thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. **D.** tăng cường hội nhập quốc tế.

**Câu 4.** Phát biểu nào sau đây đúng về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?

**A.** Trong rừng có nhiều gỗ và lâm sản quý. **B.** Diện tích rừng giàu được phục hồi nhanh.

**C.** Tỉ lệ che phủ rừng giảm sút nhanh chóng. **D.** Tài nguyên rừng phân bố đều khắp các vùng.

**Câu 5.** Hình thức sản xuất chủ yếu nào sau đây đưa nông nghiệp nước ta lên nền sản xuất hàng hóa?

**A.** Hộ gia đình. **B.** Hợp tác xã. **C.** Trang trại. **D.** Nông trường.

**Câu 6.** Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

**A.** giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành dịch vụ và công nghiệp.

**B.** tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

**C.** giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.

**D.** tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta?

**A.** Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.

**B.** Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.

**C.** Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí.

**D.** Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

**Câu 8.** Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là

**A.** đất feralit. **B.** khí hậu nhiệt đới. **C.** nguồn nước. **D.** địa hình đa dạng.

NDL

**Câu 9.** Hai vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất ở nước ta là

**A.** Đông nam Bộ và Tây Nguyên. **B.** Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đông nam Bộ và Trung du miền núi Bắc Bộ. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên.

**Câu 10.** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ nông nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa?

**A.** Phần lớn sản phẩm sản xuất ra để tiêu dùng tại chỗ.

**B.** Người sản xuất quan tâm nhiều đến sản lượng.

**C.** Mỗi địa phương sản xuất nhiều loại sản phẩm.

**D.** Hình thành các vùng nông nghiệp chuyên môn hóa.

**Câu 11.** Chất lượng nguồn lao động của nước ta ngày càng được nâng cao chủ yếu là do

**A.** mở thêm nhiều các trung tâm đào tạo và hướng nghiệp.

**B.** những thành tựu trong kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế.

**C.** số lượng lao động trong các công ty liên doanh tăng lên.

NDL

**D.** phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ nông thôn.

**Câu 12.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở nước ta, loại cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất là

**A.** cây ăn quả. **B.** cây công nghiệp. **C.** cây lương thực **D.** cây rau đậu.

**Câu 13.** Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, tỉ trọng ngành thủy sản có xu hướng

**A.** ổn định. **B.** giảm. **C.** tăng. **D.** biến động.

**Câu 14.** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho thành phần kinh tế Nhà nước giữa vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nước ta hiện nay?

**A.** Số lượng doanh nghiệp thành lập mới nhiều nhất. **B.** Chi phối tất cả các thành phần kinh tế khác.

**C.** Nắm giữ các ngành và lĩnh vực kinh tế then chốt. **D.** Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

**Câu 15.** Nhân tố nào sau đây là chủ yếu nhằm đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế nước ta hiện nay?

**A.** Xác định cơ cấu kinh tế hợp lí, đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

**B.** Giảm tỉ trọng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp, tăng công nghiệp - xây dựng.

**C.** Chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất, tiến hành đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm.

**D.** Hình thành các vùng động lực phát triển và các vùng trọng điểm về kinh tế.

**Câu 16.** Vùng nào sau đây có nhiều điều kiện thuận lợi nhất để nuôi trồng thuỷ sản?

**A.** Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 17.** Khó khăn tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động khai thác hải sản xa bờ của nước ta?

**A.** Hoạt động của bão và áp thấp nhiệt đới. **B.** Môi trường biển và hải đảo ô nhiễm.

**C.** Hải sản ven bờ ngày càng cạn kiệt. **D.** Hoạt động mạnh của gió mùa Đông Bắc.

**Câu 18.** Biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta hiện nay là

**A.** giao quyền sử dụng, bảo vệ rừng. **B.** triển khai Luật Lâm nghiệp.

**C.** trồng rừng trên đất trống, đồi trọc. **D.** hạn chế tình trạng du cư.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tuổi thọ trung bình của thế giới vào năm 2023 là khoảng 72,4 tuổi. Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh của người Việt Nam năm 2023 là 73,7 tuổi; trong đó, tuổi thọ trung bình của nam giới là 71,1 tuổi, của nữ giới là 76,5 tuổi. So với các nước trong khu vực Đông Nam Á, tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh của Việt Nam hiện nay thấp hơn 03 quốc gia là: Xin-ga-po (83 tuổi), Bru-nây (78 tuổi), Thái Lan (76 tuổi).

**a)** Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đã tăng lên, cao hơn mức trung bình của thế giới.

**b)** Tuổi thọ tăng lên là một trong những nguyên nhân dẫn đến già hóa dân số ở nước ta hiện nay.

**c)** Nguyên nhân dẫn đến việc tăng tuổi thọ ở nước ta là do kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.

**d)** Hạn chế lớn nhất của dân số già là gây sức ép lên vấn đề giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng sống.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Nông nghiệp Việt Nam trong xu hướng phát triển mới được cấu thành bởi ba thành tố có quan hệ mật thiết, gắn bó, không thể tách rời là nông nghiệp, nông dân và nông thôn. Trong đó, nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**a)** Xu hướng phát triển nông nghiệp nước ta hiện nay là đẩy mạnh phát triển thủ công nhằm giải quyết nhu cầu việc làm.

**b)** Mục đích của việc phát triển các mô hình sản xuất mới là mang lại hiệu quả cao, sử dụng hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường.

**c)** Phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị hóa nông thôn là một trong những giải pháp nhằm thực hiện công nghiệp hóa nông thôn nước ta.

**d)** Để thực hiện được mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn cần đẩy mạnh tăng năng suất các ngành kinh tế và năng suất lao động nông thôn.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích và sản lượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2021**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** | **2021** |
| Diện tích *(nghìn ha)* | 3829 | 3897 | 3939 | 3874,2 |
| Sản lượng *(nghìn tấn)* | 4592 | 4739 | 4888 | 5233,8 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)*

**a)** Diện tích nuôi trồng thủy sản nước ta tăng liên tục nhưng sản lượng không ổn định.

**b)** Năng suất thủy sản nuôi trồng nước ta tăng liên tục qua các năm nhưng còn chậm.

**c)** Sản lượng thủy sản tăng do đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

**d)** Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện diện tích và sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2010 - 2021.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Vùng chuyên canh hay vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm là vùng tập trung phát triển một hoặc vài loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái nông nghiệp (đất, khí hậu,.. điều kiện kinh tế - xã hội nhằm tạo ra khối lượng hàng hoá lớn, gắn với công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu của thị trường, mang lại hiệu quả cao.

**a)** Ở nước ta đã hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm qui mô lớn.

**b)** Vùng chuyên canh chè được xây dựng ở khu vực các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ do điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh.

**c)** Phát triển các vùng chuyên canh là giải pháp cơ bản để góp phần nâng cao chất lượng nông sản.

**d)** Các vùng chuyên canh nông nghiệp mang lại ý nghĩa xã hội quan trọng là giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, nâng cao tay nghề cho người lao động.

**Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

**Câu 1.** Năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng của nước ta đạt 2 955 806 tỉ đồng, tổng GDP đạt 7 592 323 tỉ đồng. Cho biết giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng chiếm bao nhiêu % trong cơ cấu GDP của nước ta? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)*

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Số dân và sản lượng lương thực của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số dân**  *(nghìn người)* | **Sản lượng lương thực**  *(nghìn tấn)* |
| 2015 | 91713,3 | 50379,5 |
| 2017 | 93671,6 | 47852,2 |
| 2019 | 96484,0 | 48230,9 |
| 2020 | 97582,7 | 47325,5 |
| 2021 | 98506,2 | 48301,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Cho biết sản lượng lương thực bình quân đầu người của nước ta từ năm 2015 đến năm 2021 giảm đi bao nhiêu kg/người? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)*

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích và sản lượng lúa của vùng Bắc Trung Bộ, giai đoạn 2010 - 2021**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Diện tích *(nghìn ha)* | 690,0 | 701,5 | 674,0 |
| Sản lượng *(triệu tấn)* | 3,4 | 3,8 | 3,9 |

*(Nguồn niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)*

Tính năng suất lúa của vùng Bắc Trung Bộ năm 2021. *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của tạ/ha)*

**…………….HẾT……………**